

Bản án số: 85/2023/HS-PT

Ngày: 05 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán:

1. Ông Bùi Đức Nam

2. Ông Phan Thanh Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2023/TLPT-HS ngày 01/02/2023 đối với các bị cáo Nguyễn Văn K, Huỳnh Thị T1, Nguyễn Văn T2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 487/2022/HS-ST ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn K**; giới tính: Nam; sinh năm: 1978, tại tỉnh L; nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh L; nơi tạm trú: số 15 Quốc lộ 1A, tổ N, khu phố D, phường Đ, quận M, thành phố H; nghề nghiệp: thợ xây dựng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 (chết) và bà Nguyễn Thị H1; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2019; có mặt.

2. Họ và tên: **Huỳnh Thị T1**; giới tính: Nữ; sinh năm: 1972, tại tỉnh L; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh L; nơi tạm trú: số 13 Quốc lộ 1A, khu phố B, phường P, thành phố Đ, thành phố H; nghề nghiệp: Bán buôn; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn N (chết) và bà Trịnh Thị H2; có chồng là Nguyễn Văn T2 (bị cáo trong vụ án) và 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn T2**; giới tính: Nam; sinh năm: 1972, tại tỉnh L; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh L; nơi tạm trú: số 13 Quốc lộ 1A, khu phố B, phường P, thành phố Đ, thành phố H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 (chết) và bà Nguyễn Thị Đ (chết); có vợ là Huỳnh Thị T1 (bị cáo trong vụ án) và 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2019, bà Huỳnh Thị T1 có con trai là Nguyễn Huỳnh V bị Công an Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh bắt tạm giam để điều tra về hành vi “Cướp giật tài sản”. Khi nghe Nguyễn Huỳnh V bị bắt, Nguyễn Văn K có mối quan hệ quen biết cùng quê với bà Huỳnh Thị T1, Nguyễn Văn K đến nhà gặp bà Huỳnh Thị T1 và khoe có mối quan hệ quen biết nhờ người lo cho Nguyễn Huỳnh V được Tòa án xử nhẹ, vợ chồng bà Huỳnh Thị T1, ông Nguyễn Văn T2 đồng ý. Sau đó, từ tháng 3/2019, Nguyễn Văn K nói bà Huỳnh Thị T1 đưa tiền cho Nguyễn Văn K để lo cho Nguyễn Huỳnh V được xử án treo, rồi cho về nhà ngay sau khi xét xử xong. Do không biết ý đồ của Nguyễn Văn K, bà Huỳnh Thị T1 đã đưa tiền cho Nguyễn Văn K 03 lần; lần thứ nhất vào đầu tháng 3/2019 đưa cho Nguyễn Văn K 10.000.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 21/3/2019 đưa 90.000.000 đồng; lần thứ ba vào cuối tháng 7/2019 trước ngày Nguyễn Huỳnh V bị xét xử 01 tháng, tại quán cà phê không rõ địa chỉ bà Huỳnh Thị T1 đưa cho Nguyễn Văn K 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ bà Huỳnh Thị T1, Nguyễn Văn K không liên hệ với bất cứ ai để lo cho Nguyễn Huỳnh V được giảm nhẹ hình phạt, được ra tại Tòa như đã hứa với bà Huỳnh Thị T1, ông Nguyễn Văn T2.

Đến ngày 31/7/2019, sau nhiều lần Nguyễn Văn K hứa hẹn nhưng không thấy Nguyễn Huỳnh V được về, bà Huỳnh Thị T1 hỏi thì Nguyễn Văn K cho bà Huỳnh Thị T1 số điện thoại di động 0902583776 và nói là số điện thoại của ông Đ1 làm bên Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 (thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi vì Nguyễn Văn K đã giao hết tiền cho ông Đ1. Khi ông Nguyễn Văn T2 chồng bà Huỳnh Thị T1 gọi vào số điện thoại di động 0902583776 của Nguyễn Văn K thì Nguyễn Văn K giả giọng tự nhận mình là ông Đ1 và nói số tiền 200.000.000 đồng nhận của bà Huỳnh Thị T1 đã đưa hết cho ông Đ1 và hiện Nguyễn Văn K không còn trách nhiệm gì nữa.

Đến ngày 19/8/2019, Nguyễn Huỳnh V bị Tòa án nhân dân quận B (thành phố Đ) tuyên phạt 03 năm tù, bà Huỳnh Thị T1 tìm Nguyễn Văn K để đòi lại tiền nhưng không được nên đi tố cáo Nguyễn Văn K.

Các số điện thoại di động 0902583776, 0837759766 đều do Nguyễn Văn K sử dụng trong thời gian vụ án xảy ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 487/2022/HS-ST ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Bị cáo Huỳnh Thị T1 và Nguyễn Văn T2 phạm tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K: 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2019.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm bồi thường về dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/12/2022, bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng người nhưng không đúng tội; ngày 23/12/2022, các bị cáo Huỳnh Thị T1 và Nguyễn Văn T2 kháng cáo cho rằng các bị cáo bị oan, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá thực tế hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K và đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các bị cáo Huỳnh Thị T1 và Nguyễn Văn T2 rút đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời gian luật định nên hợp lệ, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, các bị cáo Huỳnh Thị T1, Nguyễn Văn T2 về tội “Đưa hối lộ”, cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Văn K và tuyên phạt

09 năm tù là có cơ sở. Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với các bị cáo Huỳnh Thị T1 và Nguyễn Văn T2 rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn K không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện đang chăm sóc cha mẹ già, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn K, Huỳnh Thị T1, Nguyễn Văn T2 trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Huỳnh Thị T1, Nguyễn Văn T2 tự nguyện rút kháng cáo. Căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Huỳnh Thị T1, Nguyễn Văn T2.

[3] Tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các bị cáo, và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 7/2019, Nguyễn Văn K đã đưa ra các thông tin không có thật là có khả năng lo cho con của Huỳnh Thị T1 và Nguyễn Văn T2 được tại ngoại, giảm nhẹ hình phạt và được Tòa án trả tự do ngay sau khi xét xử nên Huỳnh Thị T1 cùng Nguyễn Văn T2 đã đưa số tiền 200.000.000 đồng, nhưng thực tế Nguyễn Văn K không thực hiện mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền. Bị cáo Nguyễn Văn K chỉ thừa nhận có nhận của bà Huỳnh Thị T1 100.000.000 đồng và đã trả lại 90.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng bà Huỳnh Thị T1 cho bị cáo để uống nước. Tuy nhiên, với các tài liệu chứng cứ thể hiện trong quá trình điều tra, lời khai người bị hại; băng ghi âm... có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã chiếm đoạt của bà Huỳnh Thị T1, ông Nguyễn Văn T2 số tiền 200.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 09 năm tù là có căn cứ, đúng người đúng tội, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K: Bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử đúng người nhưng không đúng tội. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng người viết hồ đơn kháng cáo không viết rõ ý, bị cáo xác định chỉ nhận 100.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị T1, đã trả lại 90.000.000 đồng nên chỉ xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Như đã phân tích, Hội

đồng xét xử xét thấy lời khai nại của bị cáo tại phiên tòa là không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 487/2022/HS-ST ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K: 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2019.

Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị T1, Nguyễn Văn T2.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- P.PV06 - Công an TP.HCM; (1)
- TAND thành phố Thủ Đức; (1)
- VKSND thành phố Thủ Đức; (1)
- Công an thành phố Thủ Đức; (1)
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức; (1)
- Bị cáo; (3)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (27). (9)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Châu